

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 84/2022/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2022

NGHỊ ĐỊNH

Về việc thành lập và Quy chế hoạt động của Quỹ bảo tồn di sản Huế

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 38/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về thành lập và Quy chế hoạt động của Quỹ bảo tồn di sản Huế.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định về thành lập và Quy chế hoạt động của Quỹ bảo tồn di sản Huế.

2. Nghị định này áp dụng đối với Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có hỗ trợ nguồn tài chính cho Quỹ và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thành lập và hoạt động Quỹ bảo tồn di sản Huế.

Điều 2. Tên gọi và địa vị pháp lý

1. Tên gọi: Quỹ bảo tồn di sản Huế.
2. Quỹ bảo tồn di sản Huế là Quỹ quốc gia được Chính phủ thành lập và giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế trực tiếp quản lý, nhằm huy động nguồn lực để đầu tư cho trùng tu, bảo tồn, phát triển giá trị di sản Huế và đầu tư cho các công trình, hạng mục chưa được ngân sách nhà nước bố trí kinh phí hoặc bố trí kinh phí chưa đủ.
3. Quỹ bảo tồn di sản Huế hoạt động theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế; hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận.
4. Quỹ bảo tồn di sản Huế có tư cách pháp nhân, con dấu riêng và được mở tài khoản tiền gửi đối với nguồn vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước tại Kho bạc nhà nước và mở tài khoản tiền gửi đối với nguồn vốn của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tài trợ tại Kho bạc nhà nước hoặc ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nhiệm vụ của Quỹ bảo tồn di sản Huế

1. Tiếp nhận, quản lý, sử dụng các nguồn tài chính của Quỹ theo quy định.
2. Tài trợ cho các dự án, đầu tư cho trùng tu, bảo tồn, phát triển giá trị di sản Huế và đầu tư cho các công trình, hạng mục chưa được ngân sách nhà nước đầu tư hoặc đầu tư chưa đủ.
3. Thực hiện chế độ báo cáo, kế toán theo quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật liên quan.
4. Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
5. Công bố công khai về Quy chế hoạt động, kết quả hoạt động của Quỹ bảo tồn di sản Huế, báo cáo tình hình thực hiện quỹ theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.
6. Các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG

Điều 4. Cơ cấu tổ chức của Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ.
2. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ.

Điều 5. Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ có 5 thành viên, gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên, trong đó:

a) Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

b) Phó Chủ tịch và các thành viên còn lại là lãnh đạo Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Thừa Thiên Huế và Trung tâm bảo tồn di tích cố đô Huế.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản lý Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quyết định.

2. Các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

3. Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số, trong trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo phía có biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ. Hội đồng quản lý Quỹ họp định kỳ để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của mình. Hội đồng quản lý Quỹ họp bất thường để giải quyết các vấn đề cấp bách trong trường hợp cần thiết.

Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ phải có ít nhất 2/3 tổng số thành viên Hội đồng tham dự. Nội dung và kết luận các cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ đều phải được ghi thành biên bản, nghị quyết (nếu cần) và được gửi đến tất cả các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều lệ Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành.

Điều 6. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ

1. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ có Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ nghiệp vụ.

a) Giám đốc Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ. Giám đốc Quỹ có thể kiêm Phó Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng quản lý Quỹ.

b) Phó Giám đốc Quỹ và Kế toán trưởng do Giám đốc Quỹ đề nghị, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế bổ nhiệm, miễn nhiệm.

c) Cán bộ nghiệp vụ Quỹ do Giám đốc Quỹ quyết định sau khi có ý kiến chấp thuận của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

3. Giám đốc Quỹ là người đại diện theo pháp luật của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động nghiệp vụ của Quỹ.

4. Phó Giám đốc Quỹ thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công của Giám đốc Quỹ và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ và pháp luật về những nhiệm vụ đã được phân công. Trường hợp Giám đốc Quỹ vắng mặt, Giám đốc Quỹ ủy quyền cho Phó Giám đốc Quỹ thực hiện nhiệm vụ của Giám đốc Quỹ.

5. Kế toán trưởng Quỹ có nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Kế toán.

6. Các cán bộ nghiệp vụ có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ do Giám đốc Quỹ giao.

7. Nhiệm vụ và quyền hạn của Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều lệ Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành.

Chương III CƠ CHẾ TÀI CHÍNH

Điều 7. Nguồn tài chính

1. Nguồn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (không bao gồm ngân sách của tỉnh Thừa Thiên Huế).

2. Nguồn đóng góp, viện trợ và tài trợ từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; bao gồm tự nguyện hoặc tài trợ có mục đích.

3. Nguồn lãi từ tài khoản tiền gửi (nếu có).

4. Nguồn tồn dư Quỹ hàng năm.

5. Các nguồn hợp pháp khác (nếu có).

Điều 8. Nội dung chi

1. Thực hiện các công trình, hạng mục trùng tu, bảo tồn, phát triển giá trị di sản Huế do nhà nước quản lý và đầu tư cho các công trình, hạng mục chưa được ngân sách nhà nước đầu tư hoặc đầu tư chưa đủ.

2. Thực hiện các công trình, hạng mục trùng tu, bảo tồn, phát triển giá trị di sản Huế không do nhà nước quản lý.

3. Thực hiện các công trình, hạng mục trùng tu, bảo tồn, phát triển giá trị di sản Huế cụ thể theo yêu cầu của bên tài trợ.

4. Kinh phí chi hoạt động của Quỹ, gồm: chi chế độ phụ cấp theo quy định, chi văn phòng phẩm, chi chế độ hội họp và các khoản chi cần thiết khác do Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quyết định. Kinh phí chi hoạt động của Quỹ được bố trí trong chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị có liên quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế và nguồn thu hợp pháp khác (nếu có).

Điều 9. Chế độ tài chính, kế toán và kiểm toán

1. Chế độ tài chính:

a) Hàng năm, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ lập kế hoạch tài chính gồm: kế hoạch hoạt động, kế hoạch thu, kế hoạch chi tài chính gửi Sở Tài chính, Sở Văn hóa và Thể thao để trình Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quyết định.

b) Hàng năm, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ lập báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán.

c) Tồn dư Quỹ cuối năm trước được chuyển sang năm sau.

2. Chế độ kế toán, kiểm toán, quản lý tài sản và công khai tài chính:

a) Thực hiện công tác hạch toán, kế toán theo quy định của pháp luật.

b) Thực hiện quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật.

c) Thực hiện kiểm toán độc lập báo cáo tài chính.

Điều 10. Báo cáo, phê duyệt dự toán, quyết toán

1. Hằng năm, vào thời điểm yêu cầu xây dựng dự toán ngân sách theo quy định, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ có trách nhiệm báo cáo đánh giá tình hình thu, chi của Quỹ năm hiện hành và dự kiến thu, chi của Quỹ năm dự toán theo biểu mẫu do Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định, gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xem xét theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Hằng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế báo cáo Bộ Tài chính tình hình thực hiện kế hoạch tài chính năm hiện hành, kế hoạch tài chính năm sau và quyết toán thu, chi quỹ để báo cáo Chính phủ cùng với báo cáo dự toán và quyết toán ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

3. Việc sử dụng từ Quỹ bảo tồn di sản Huế để thực hiện các nhiệm vụ chi theo quy định tại Điều 8 Nghị định này được quyết toán như sau:

a) Đối với các nhiệm vụ chi sử dụng một phần hoặc toàn bộ nguồn vốn có nguồn gốc ngân sách nhà nước được quyết toán theo quy định hiện hành của pháp luật về xây dựng, đầu tư công và ngân sách nhà nước.

b) Đối với các nhiệm vụ chi sử dụng nguồn vốn từ Quỹ không có nguồn gốc ngân sách nhà nước quyết toán theo quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư, xây dựng và theo yêu cầu của nhà tài trợ (nếu có).

4. Kết thúc năm, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ có trách nhiệm báo cáo quyết toán thu, chi của Quỹ theo biểu mẫu do Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định gửi Sở Tài chính, Sở Văn hóa và Thể thao để trình Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế trong quý I năm sau. Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế chỉ đạo, tổ chức thẩm tra, phê duyệt quyết toán Quỹ theo quy định hiện hành.

5. Đối với nguồn thu, chi của Quỹ có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước, kết thúc năm, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ có trách nhiệm báo cáo quyết toán gửi cơ quan tài chính tỉnh Thừa Thiên Huế để thực hiện ghi thu, ghi chi vào ngân sách nhà nước và tổng hợp vào quyết toán ngân sách tỉnh Thừa Thiên Huế theo quy định hiện hành.

Điều 11. Kiểm tra, thanh tra, kiểm toán và giám sát hoạt động

1. Quỹ chịu sự kiểm tra, thanh tra, kiểm toán của các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế chỉ đạo kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật.

Chương IV TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN LIÊN QUAN VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan

1. Bộ Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện của Quỹ bảo tồn di sản Huế.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có trách nhiệm:

a) Quản lý Quỹ bảo tồn di sản Huế theo quy định tại Nghị định này và các văn bản pháp luật có liên quan.

b) Ban hành Điều lệ hoạt động của Quỹ và các biểu mẫu theo quy định tại Điều 10 Nghị định này.

c) Tổ chức huy động hỗ trợ từ ngân sách nhà nước của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, huy động hỗ trợ, tài trợ, đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài cho Quỹ.

d) Phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ liên quan kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện của Quỹ bảo tồn di sản Huế.

đ) Quản lý, giám sát các hoạt động của Quỹ bảo tồn di sản Huế.

e) Tổ chức thanh tra, kiểm tra thường xuyên và đột xuất về việc chấp hành công tác xây dựng kế hoạch thu, chi và quản lý sử dụng Quỹ theo đúng quy định của pháp luật.

g) Chỉ đạo việc công khai thông tin về Quỹ theo quy định của Nghị định này và các quy định của pháp luật liên quan.

Điều 13. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 10 năm 2022.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (2).

MO

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Lê Minh Khái